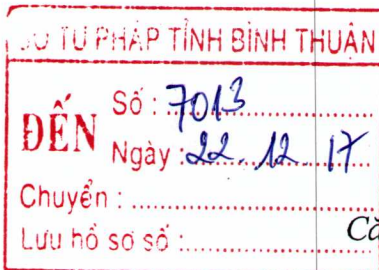


Số: 33/2017/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 13 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách
địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 4547/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho ngân sách đến năm 2020 đối với nguồn vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./. *TS*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (TH.09).Hào.

180

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách
địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33 /2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12
năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020 (dưới đây gọi tắt là các Sở, ngành và các địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ngành và các địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần

khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương gồm 03 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã và số xã khu vực III.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020).

- Định mức phân bổ:

+ Về vốn đầu tư phát triển: Định mức phân bổ hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: 01 tỷ đồng/xã/năm (*trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách trung ương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển cho phù hợp*).

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

- Phạm vi hỗ trợ: Xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân.

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về nơi cư trú... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Định mức phân bổ: 300 triệu đồng/xã/năm

c) Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Phạm vi hỗ trợ: Xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân

- Đối tượng hỗ trợ: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo trên địa bàn xã.

- Định mức phân bổ: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Dự án 2: Chương trình 135

a) Các tiêu chí cụ thể:

- Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II);
- Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

b) Cách tính hệ số các tiêu chí

- Tiêu chí về xã:

Đối với xã	Hệ số (H1)
1. Cứ mỗi xã khu vực III được tính	10
2. Cứ mỗi xã khu vực II được tính	9,5

- Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn:

Số thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
Cứ 01 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8

Xã khu vực III, khu vực II, thôn, bản đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017, Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H3)
1. Thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh	0
2. Nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,02
3. Nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,03
4. Nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,04
5. Cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,05

Tỷ lệ hộ nghèo của cấp huyện để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 08/3/2016.

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số	Hệ số (H4)
Dưới 20%	0,03
Từ 20% đến 30%	0,04
Trên 30%	0,05

c) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra hệ số của từng huyện; tổng hệ số của các huyện thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau: $X = (M:N) \times Y$

Trong đó:

Y: Là tổng hệ số các nội dung: $Y = (H1+H2) \times (1+H3+H4)$

N: Là tổng hệ số các huyện thụ hưởng Chương trình trên toàn tỉnh cộng lại.

M: Là tổng vốn đầu tư phát triển của tỉnh + tổng vốn kinh phí sự nghiệp của tỉnh.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

- Tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%: Hệ số 0,5.

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 15%: Hệ số 0,55.

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo:

+ Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 1.500 hộ: Hệ số 0,5.

+ Huyện có quy mô hộ nghèo từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ: Hệ số 0,6.

+ Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ trở lên: Hệ số 0,7;

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính toán các hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = $A \times N \times X$. Trong đó:

- A: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,
- N: Số xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố,
- X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Phạm vi hỗ trợ: Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 (ưu tiên tại các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã đảo); các Sở, ngành có liên quan.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người dân, cộng đồng dân cư;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

- + Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%: Hệ số 0,5.
- + Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 15%: Hệ số 0,55.
- + Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo:

- + Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 1.500 hộ: Hệ số 0,5.
- + Huyện có quy mô hộ nghèo từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ: Hệ số 0,6.
- + Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ trở lên: Hệ số 0,7;

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính toán các hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Định mức phân bổ:

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = $(B + C \times \text{tổng số xã}) \times X$. Trong đó:

- + B: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ.
- + C: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ.
- + X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

- Hoạt động giảm nghèo về thông tin:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = $(B + C \times \text{tổng số xã}) \times X$. Trong đó:

+ B: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ.

+ C: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ.

+ X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

a) Phạm vi hỗ trợ: Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững đến năm 2020; cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh và các Sở, ngành có liên quan.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí phân bổ:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%: Hệ số 0,5.

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 15%: Hệ số 0,55.

+ Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo:

+ Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 1.500 hộ: Hệ số 0,5.

+ Huyện có quy mô hộ nghèo từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ: Hệ số 0,6.

+ Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ trở lên: Hệ số 0,7;

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính toán các hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = $(B + C \times \text{tổng số xã}) \times X$. Trong đó:

- B: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ,

- C: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,

- X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đến năm 2020**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020 với mức tối thiểu bằng 15% so với tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách trung ương.
2. Ngân sách địa phương.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo quy định.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những nội dung ngoài quy định này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng